



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Ngày 31/03/2024	24,850 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	8.5%	4.2%

DT thuần Q1/24
262
tỷ VNĐ
QoQ: ▼939 -78.2%
YoY: ▼1,921 -88.0%

LN thuần Q1/24
-229
tỷ VNĐ
QoQ: ▼486 -189%
YoY: ▼475 -193%

LN sau thuế Q1/24
-158
tỷ VNĐ
QoQ: ▼398 -166%
YoY: ▼392 -168%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
-58.4%
YoY: +/- ▼ 80.8%

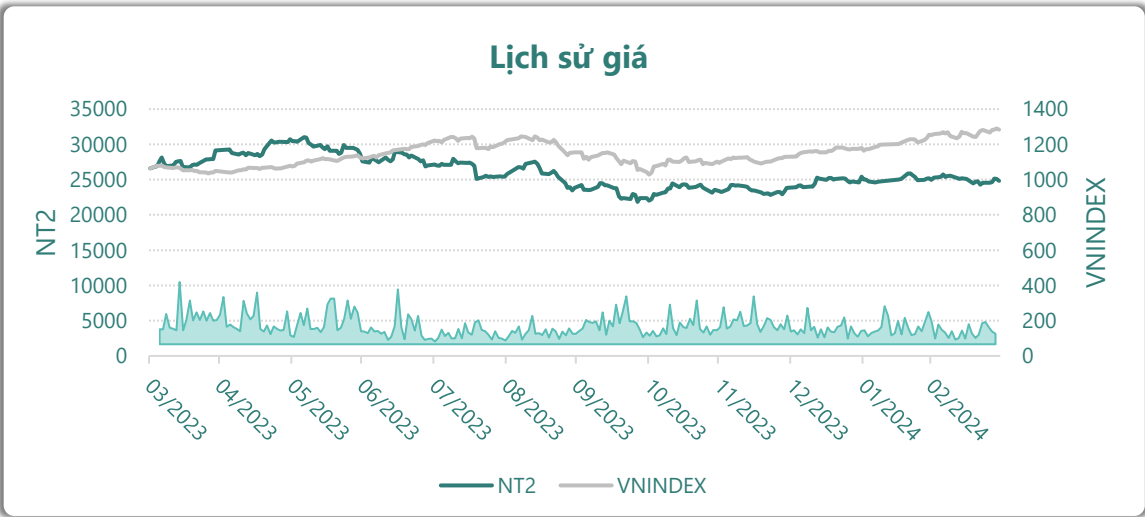
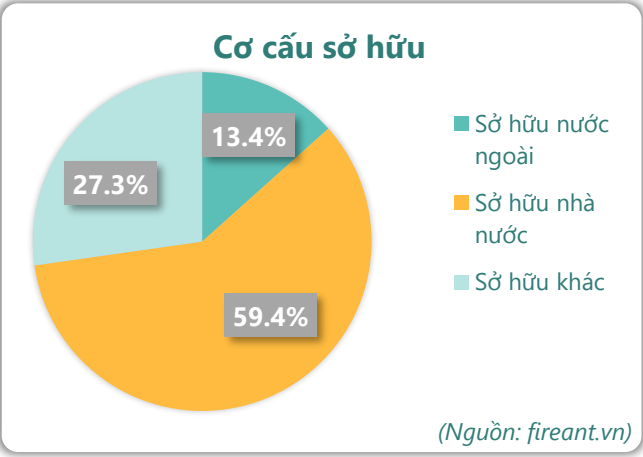
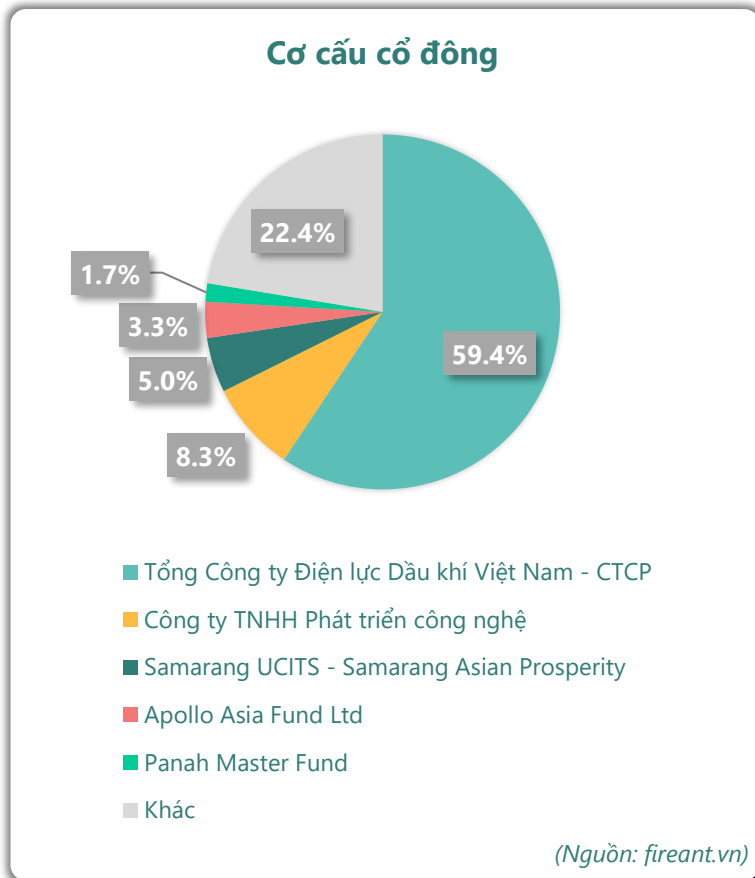
ROE (TTM) Q1/24
2.4%
YoY: +/- ▼ 8.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	21,843 - 31,030
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,154
Số lượng CPLH (CP)	287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,143,740
Sở hữu nước ngoài	13.4%
Beta	0.78
EPS	356
P/E	69.8

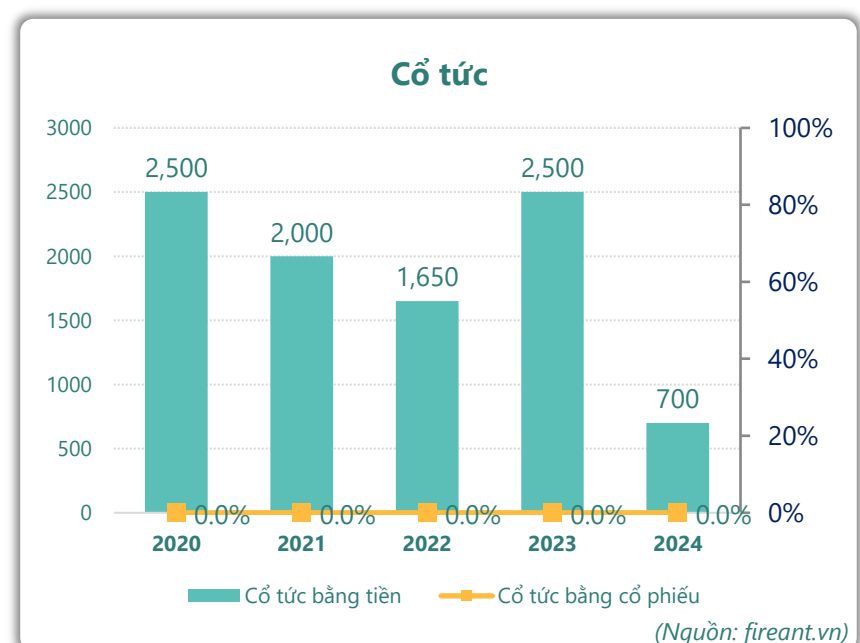
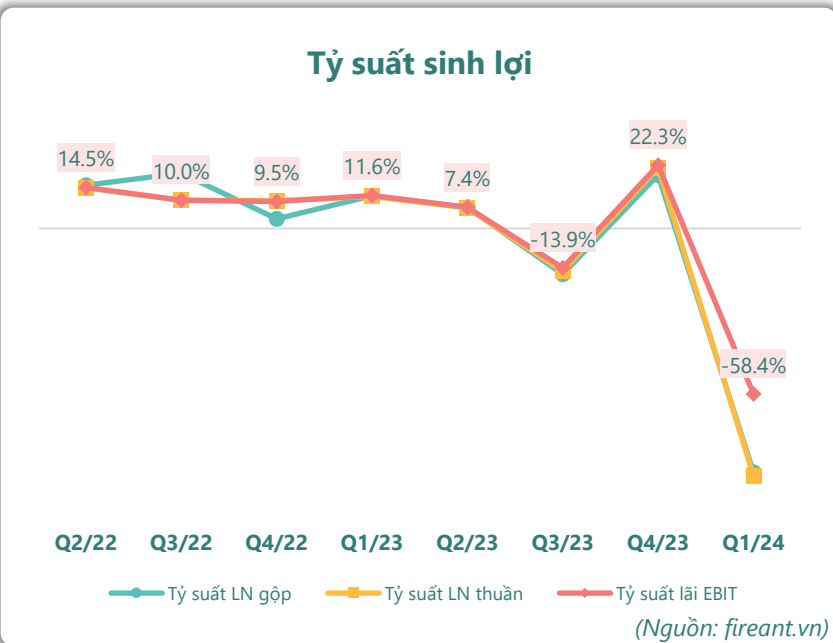
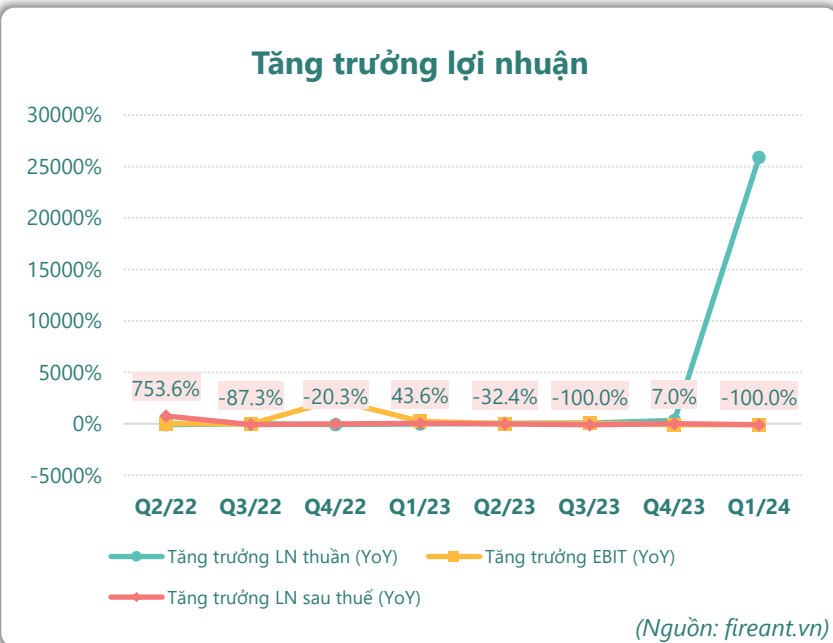
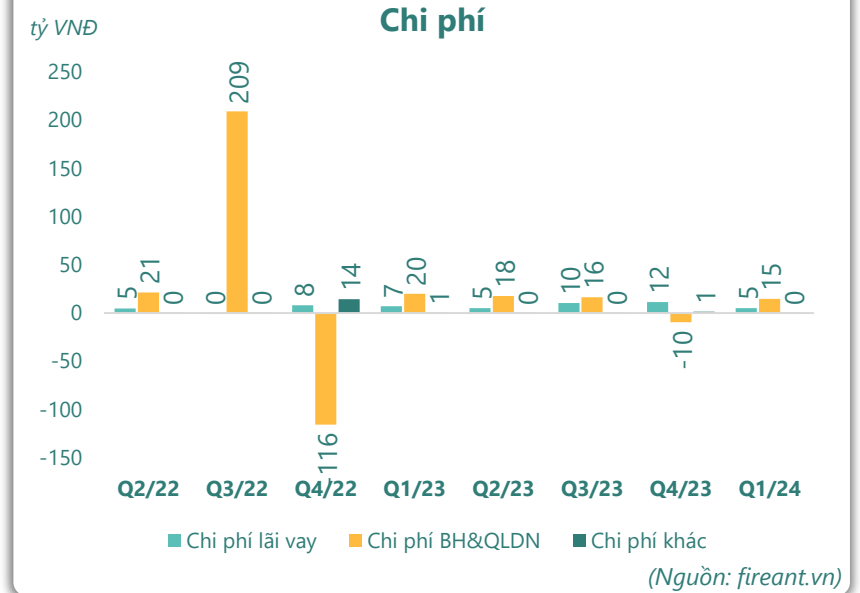
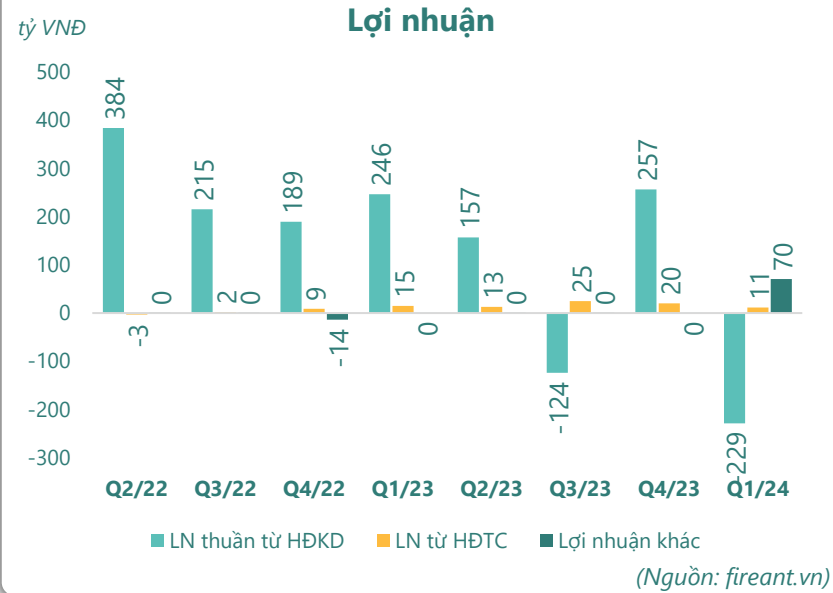
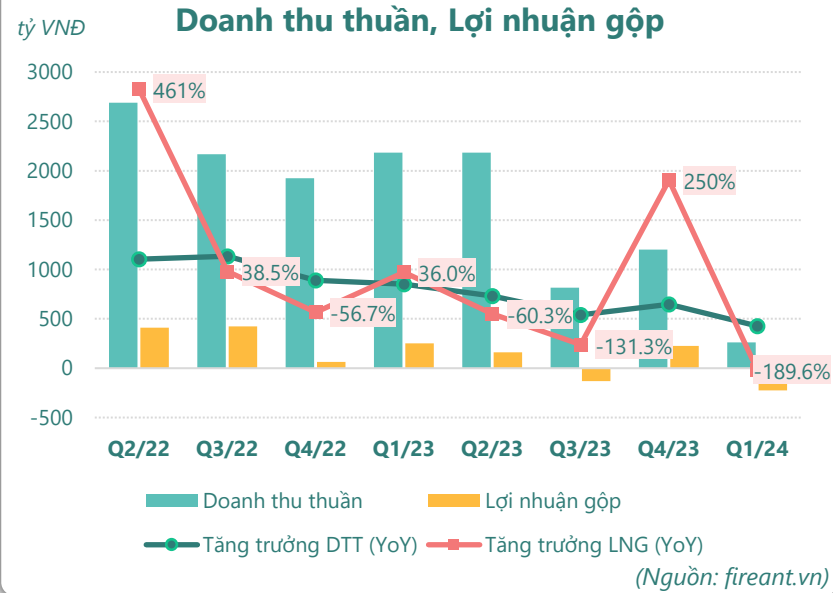
DT thuần 2023
6,386
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,402 -27.3%

LN thuần 2023
514
tỷ VNĐ
YoY: ▼443 -46.3%

LN sau thuế 2023
473
tỷ VNĐ
YoY: ▼410 -46.4%



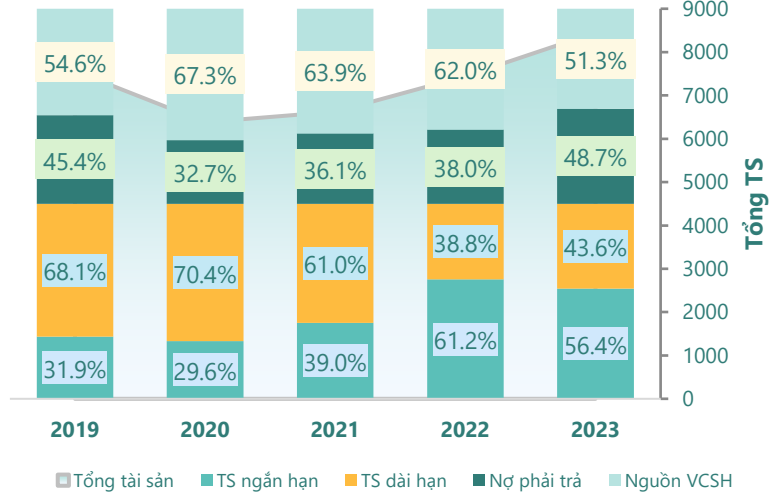
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

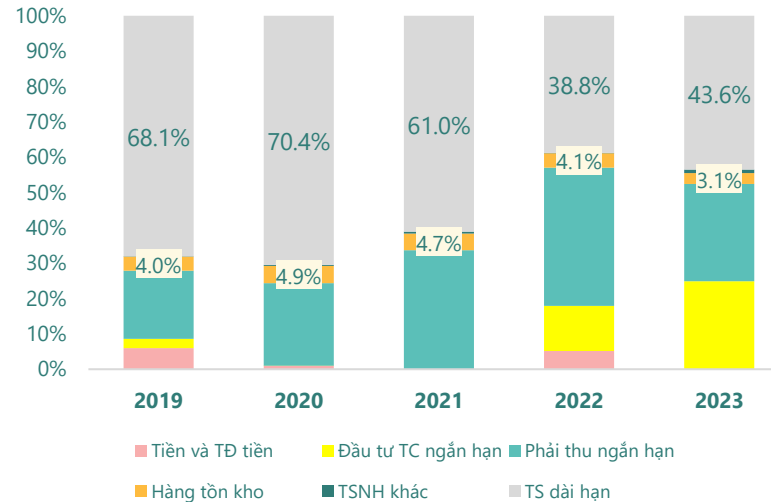
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

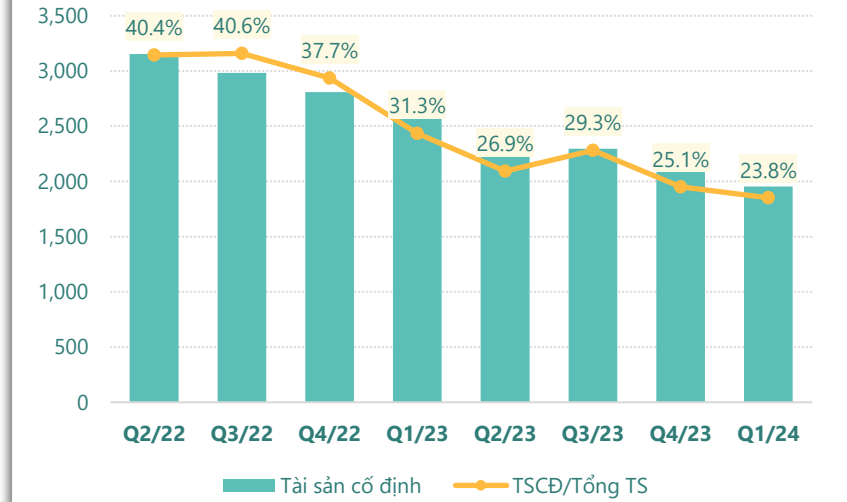
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

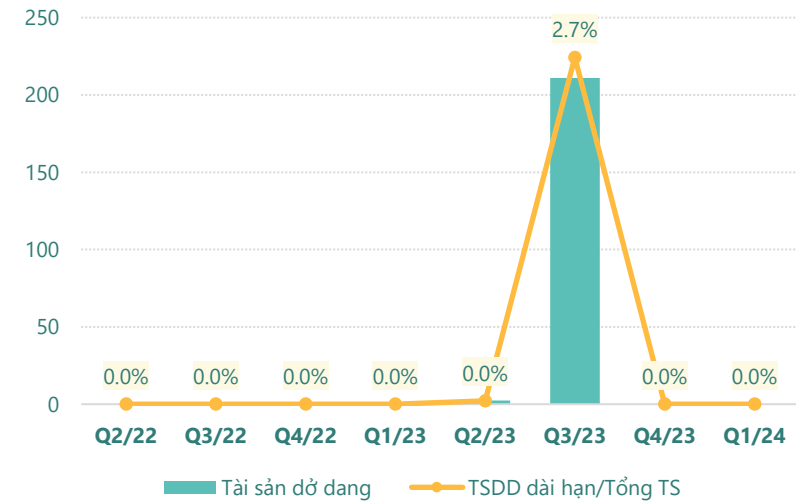
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

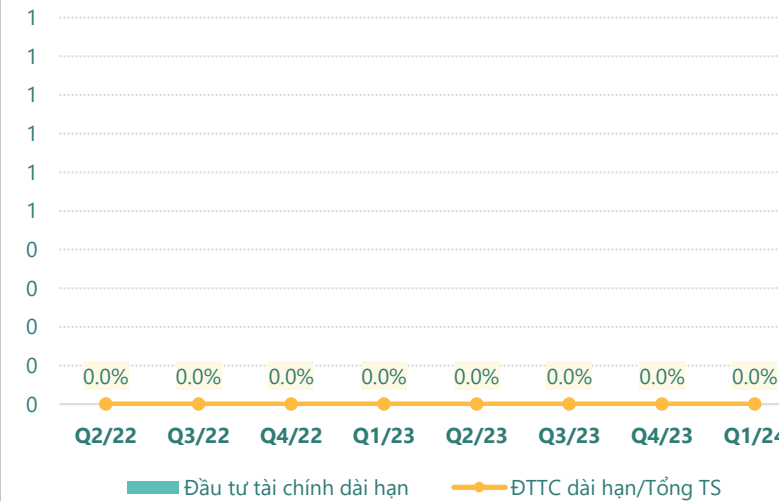
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

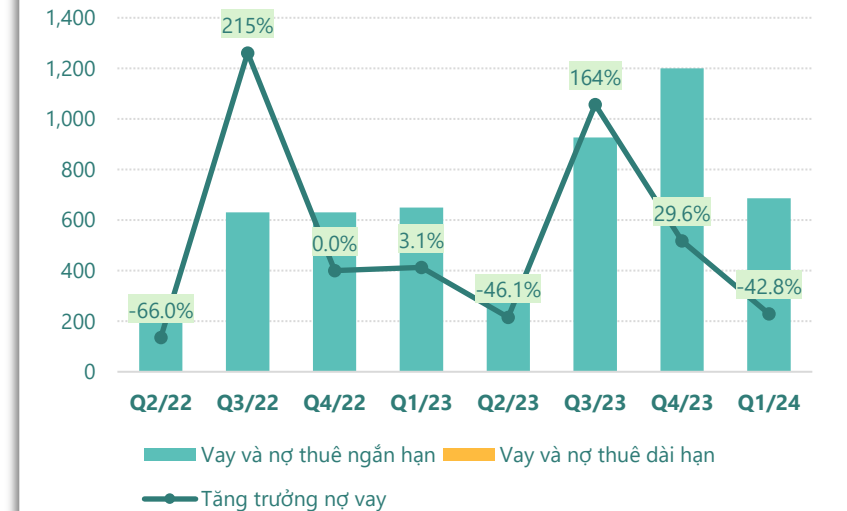
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

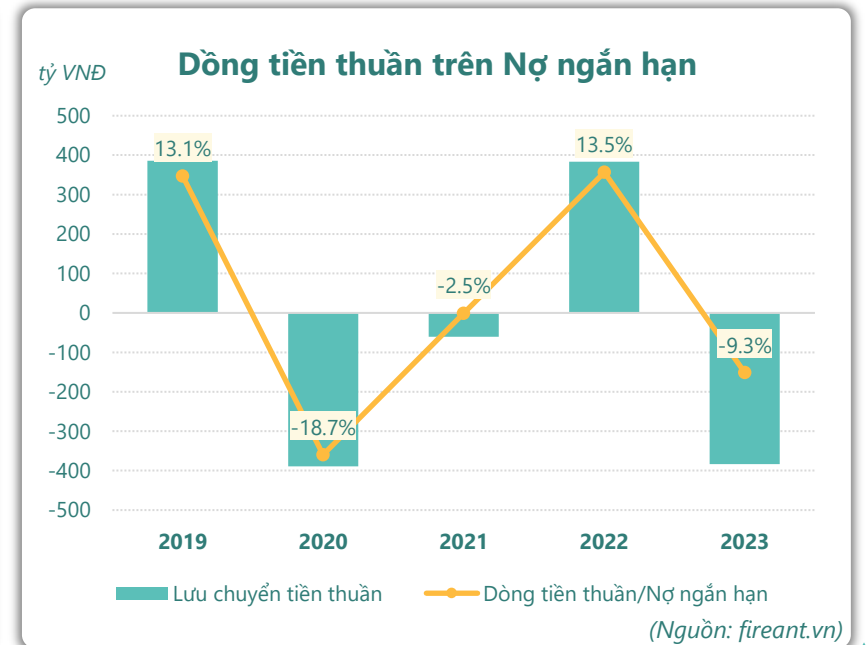
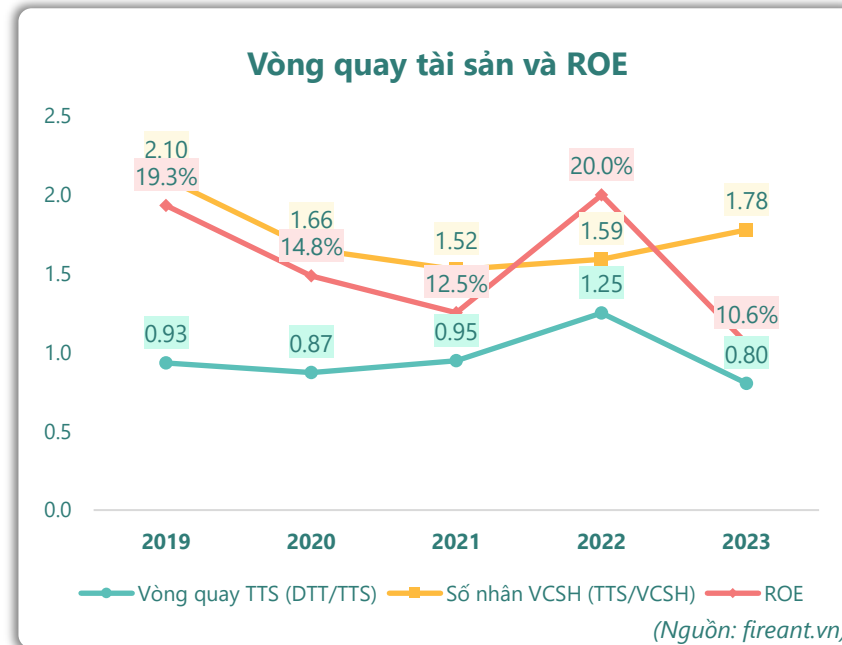
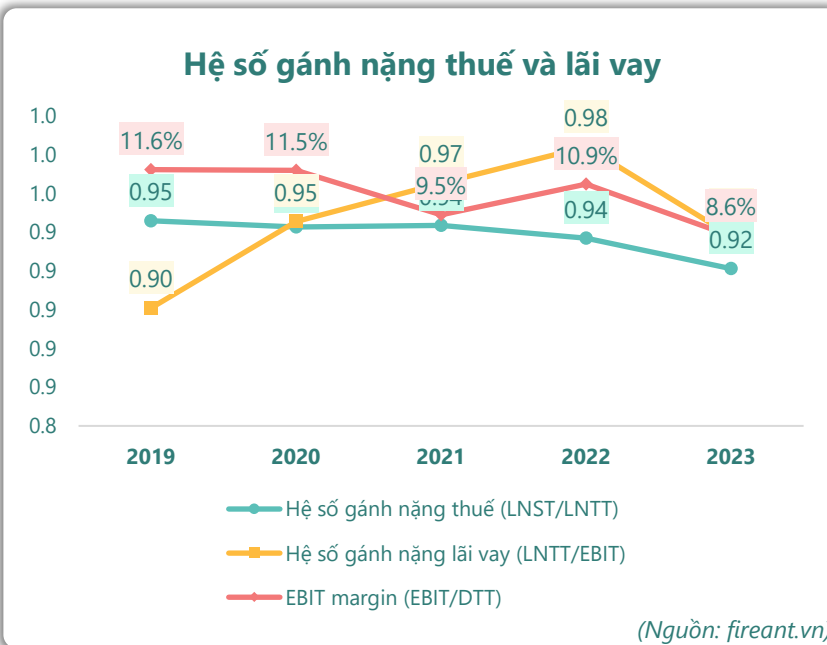
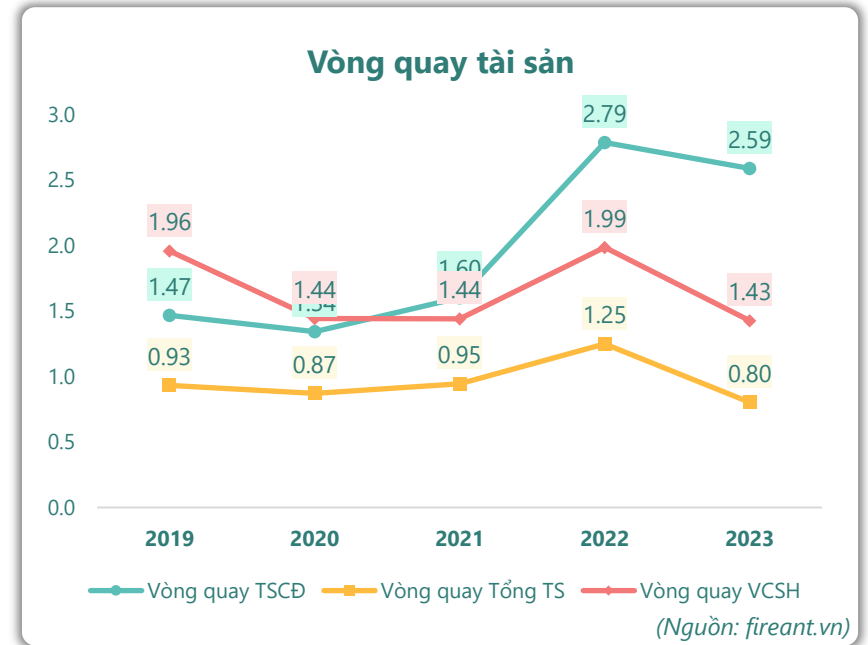
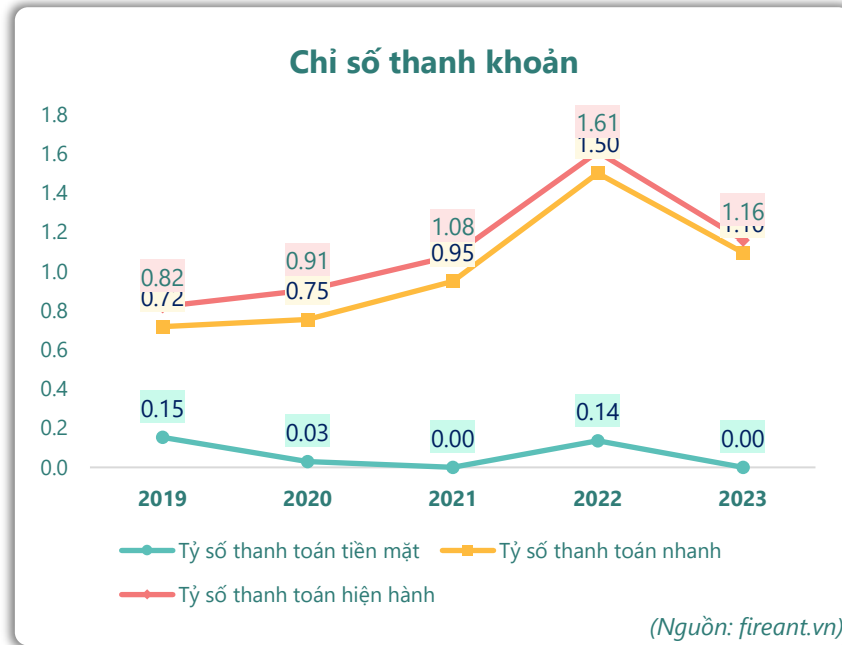
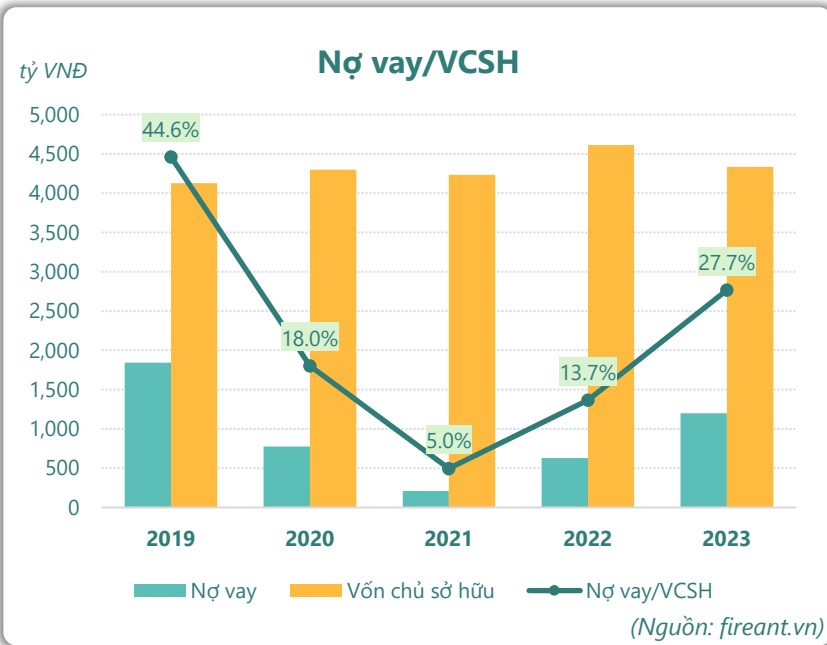
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	262	2,183	-88.0%	6,386	8,788	-27.3%
Giá vốn hàng bán	487	1,931	-74.8%	5,876	7,706	-23.8%
Lợi nhuận gộp	-225	252	-189%	510	1,082	-52.8%
Doanh thu HĐTC	19.4	22.1	-12.4%	107	24.4	338%
Chi phí TC	7.89	7.11	11.0%	34.5	17.8	94.1%
Chi phí lãi vay	5.13	7.11	-27.9%	33.8	15.4	120%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	14.7	20.1	-26.7%	69.0	131	-47.5%
LN thuần từ HĐKD	-229	246	-193%	514	957	-46.3%
Lợi nhuận khác	70.5	-0.32	22126%	-0.07	-13.7	99.5%
LN trước thuế	-158	246	-164%	514	943	-45.5%
Lợi nhuận sau thuế	-158	234	-168%	473	883	-46.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-158	234	-168%	473	883	-46.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	713	-56.8	310	272	331	-226
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-542	-58.5	264	-627	-669	947
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-187	-268	-300	144	274	-715
Tiền đầu kỳ	400	384	0.99	276	65.3	1.15
Lưu chuyển tiền thuần	-15.8	-383	275	-211	-64.2	5.82
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	384	0.99	276	65.3	1.15	6.97

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	8,210	8,451	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	3,512	4,770	-26.4%
Tiền và tương đương tiền	6.97	1.15	504%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,204	2,100	-42.7%
Phải thu ngắn hạn	1,746	2,326	-24.9%
Hàng tồn kho	335	260	28.5%
Tài sản ngắn hạn khác	220	82.7	166%
Tài sản dài hạn	4,699	3,681	27.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,954	2,125	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2,744	1,556	76.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,234	4,115	2.9%
Nợ ngắn hạn	4,234	4,115	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	686	1,200	-42.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,484	1,680	47.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,976	4,336	-8.3%
Vốn chủ sở hữu	3,976	4,336	-8.3%
Vốn điều lệ	2,879	2,879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

